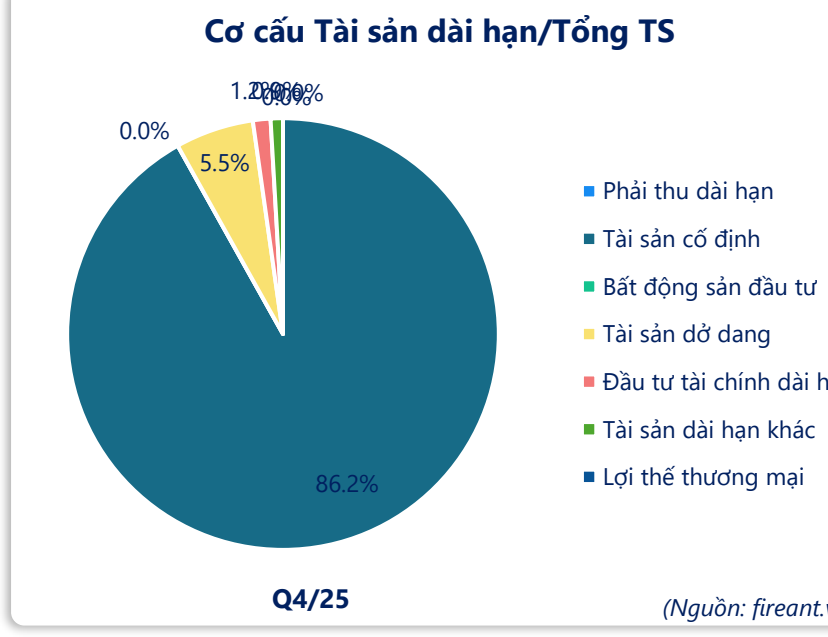
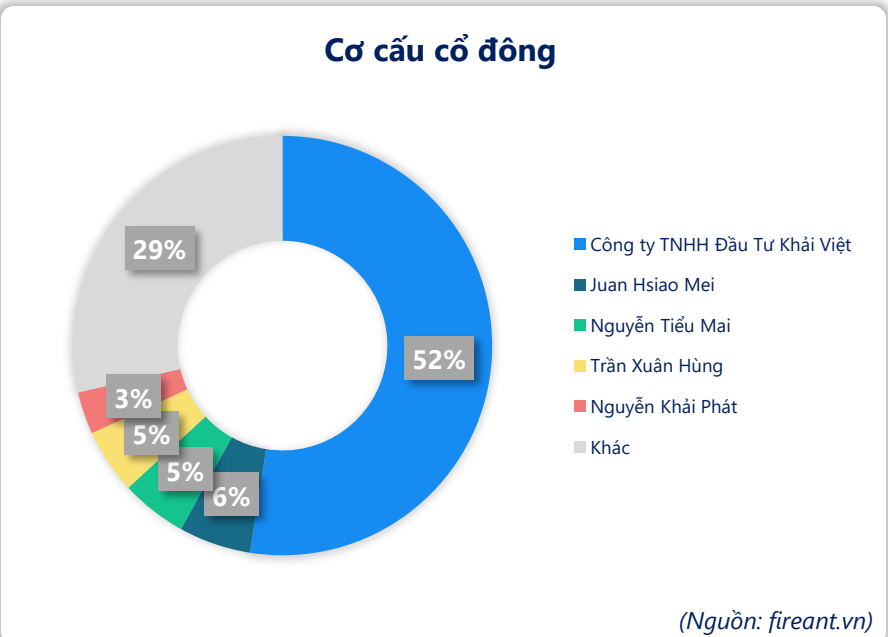
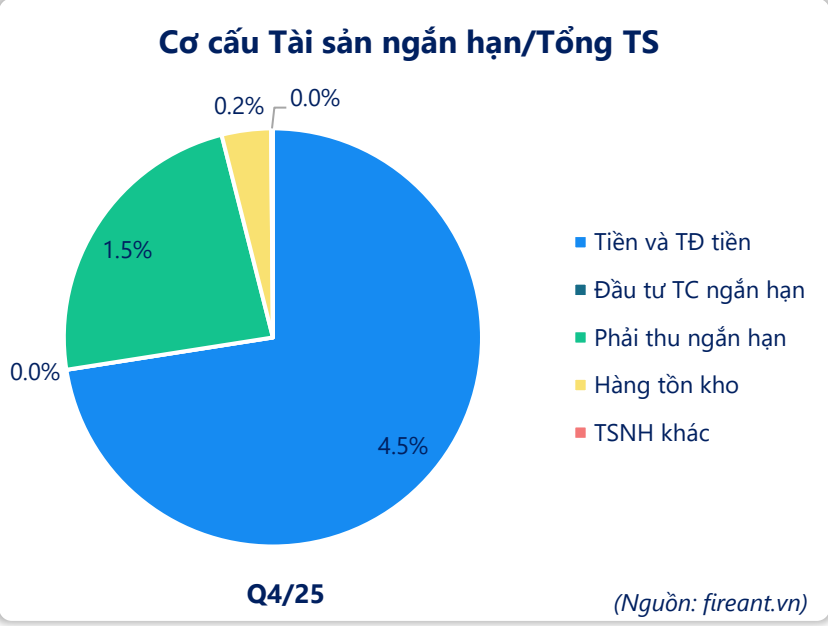
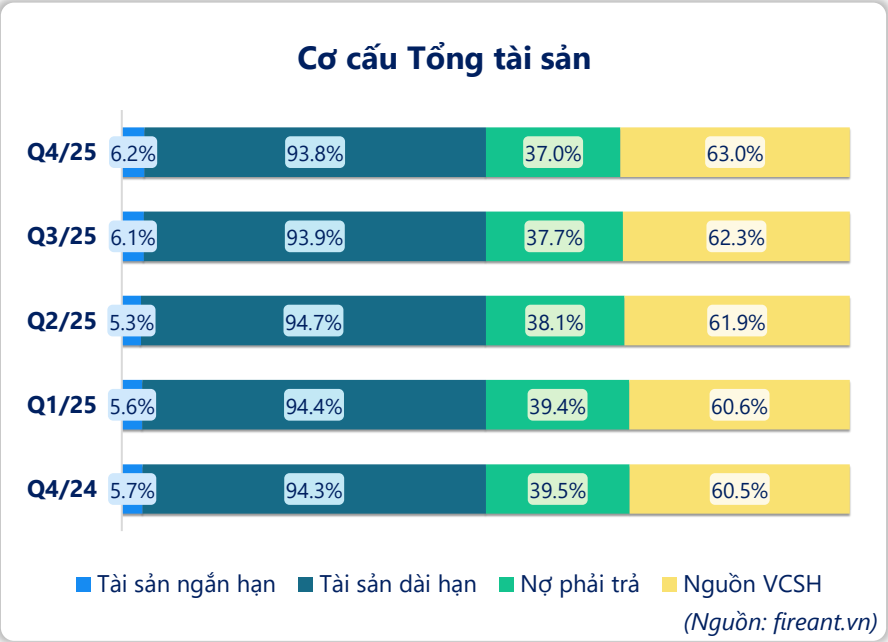
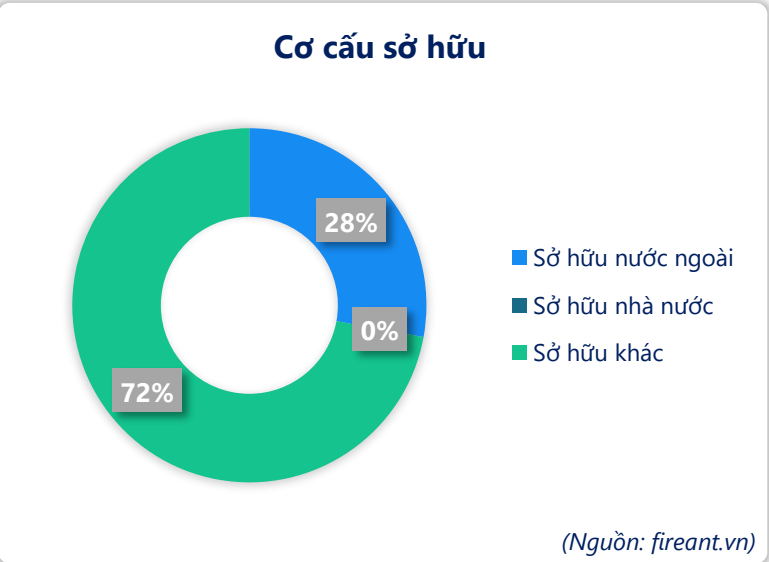
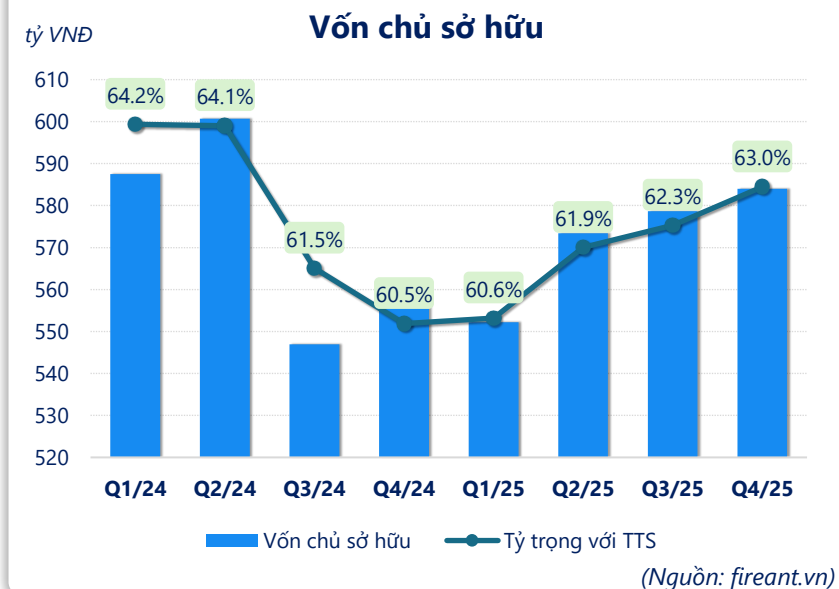
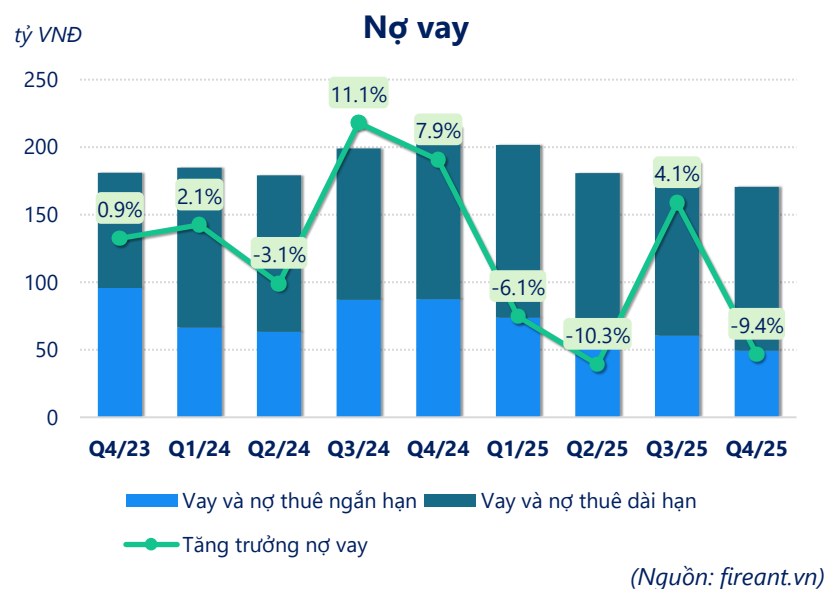
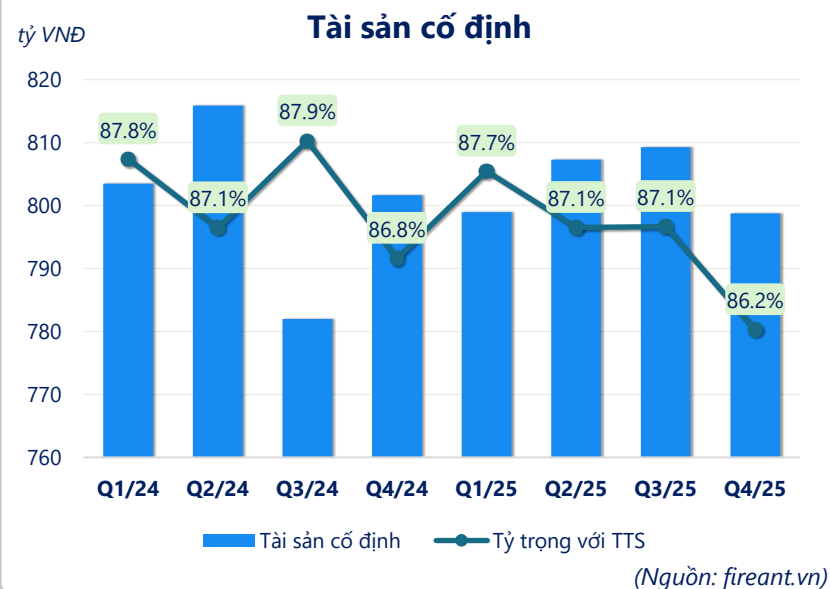
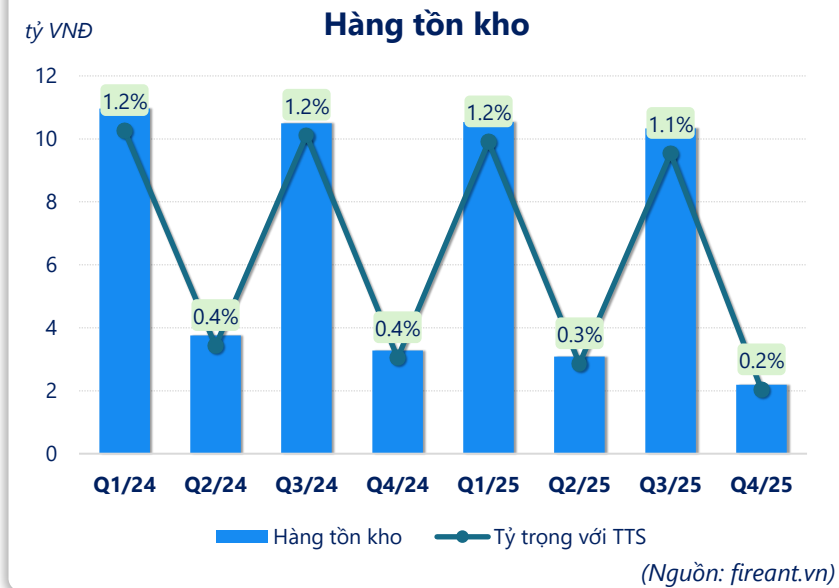
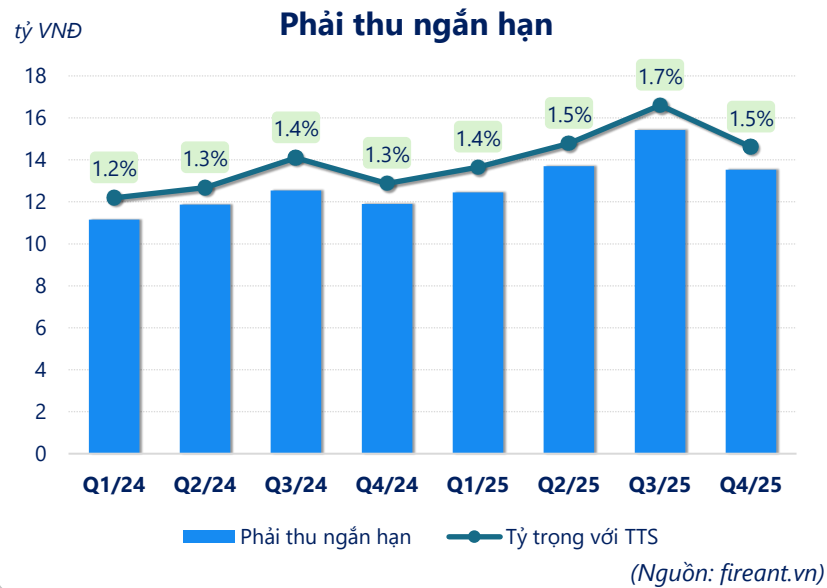
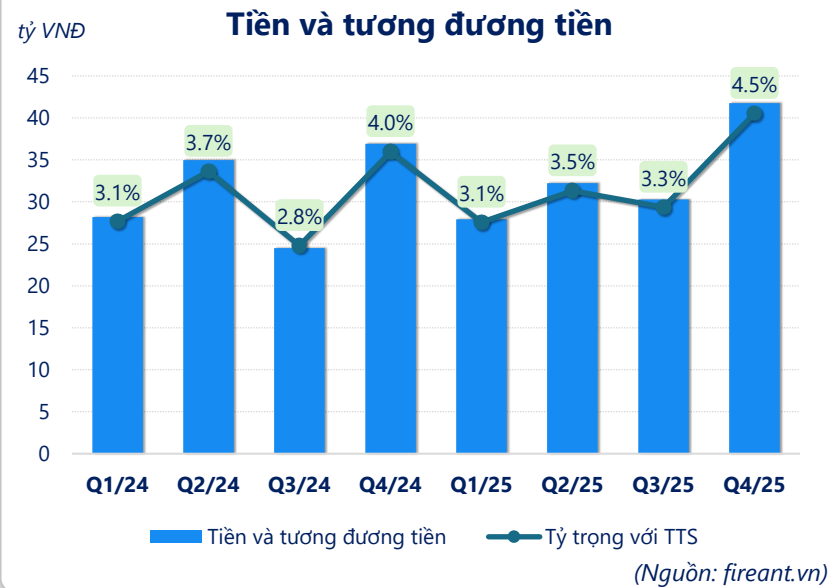
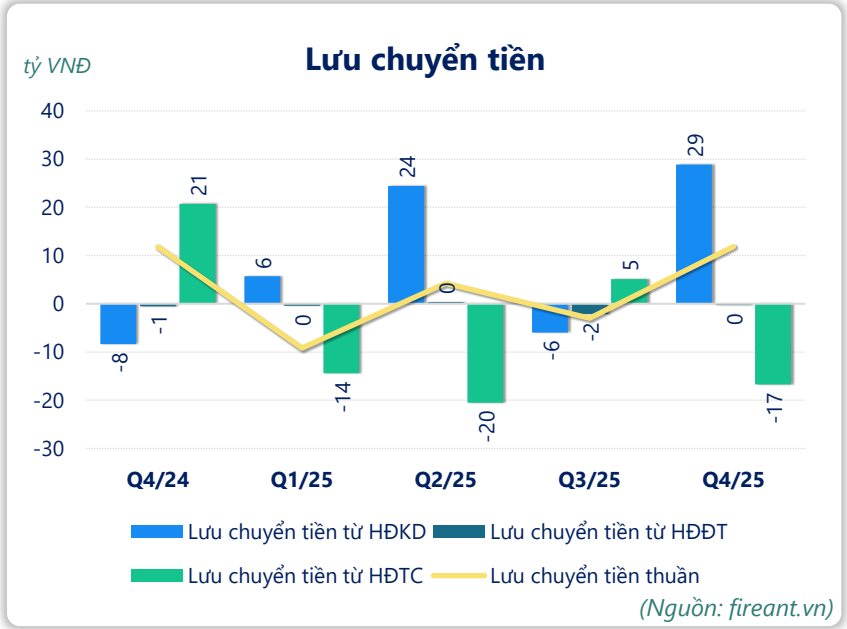
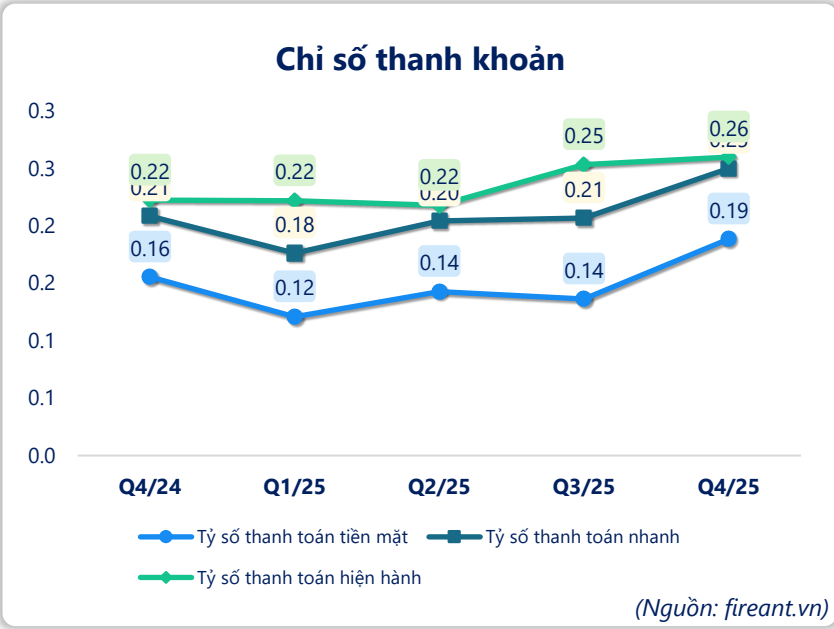
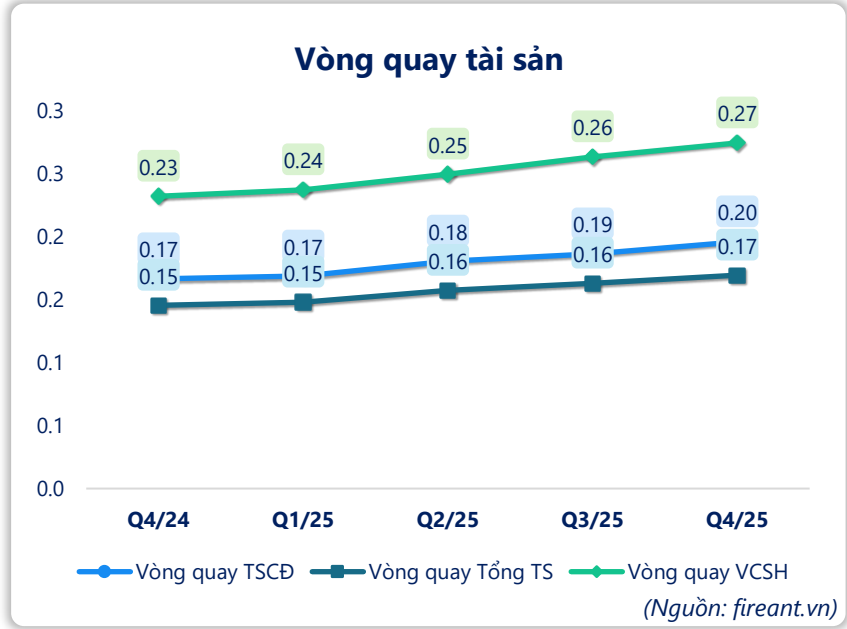
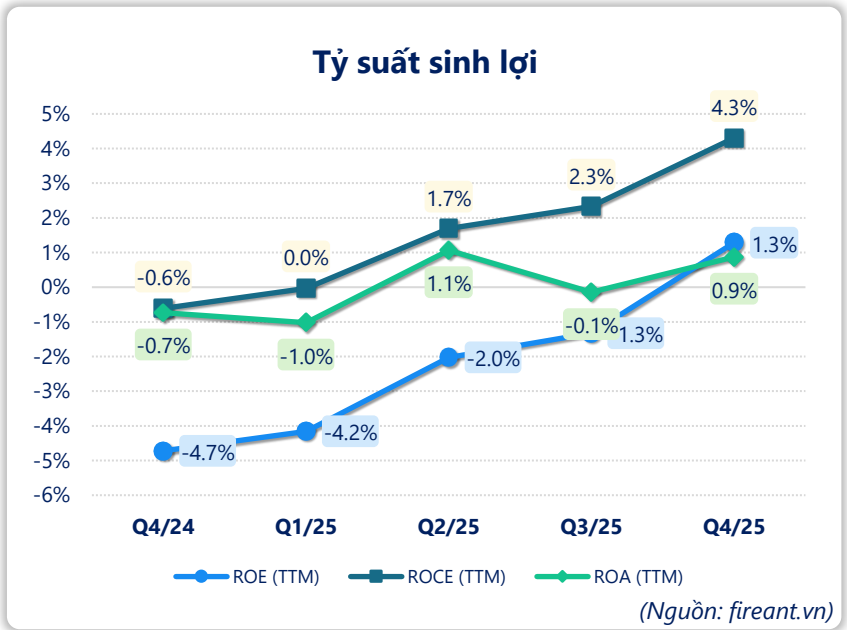
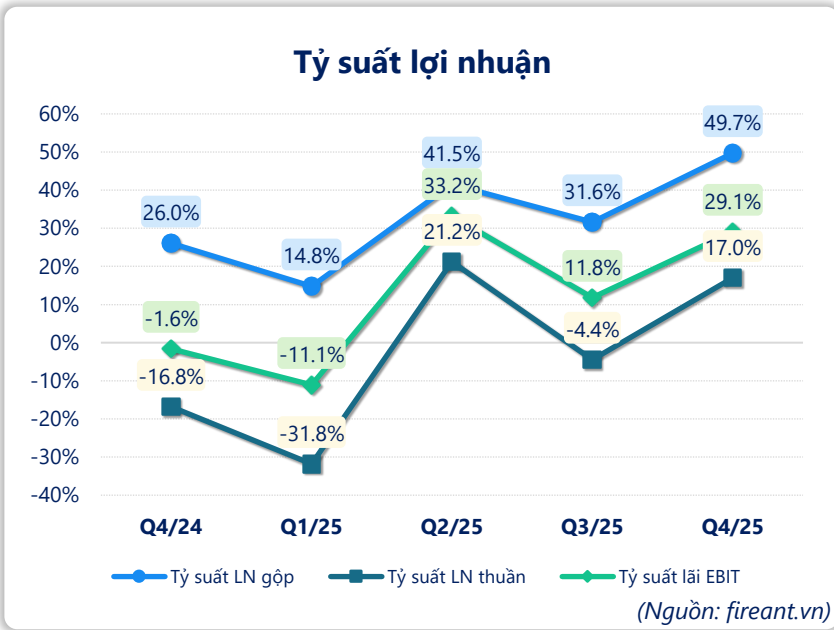
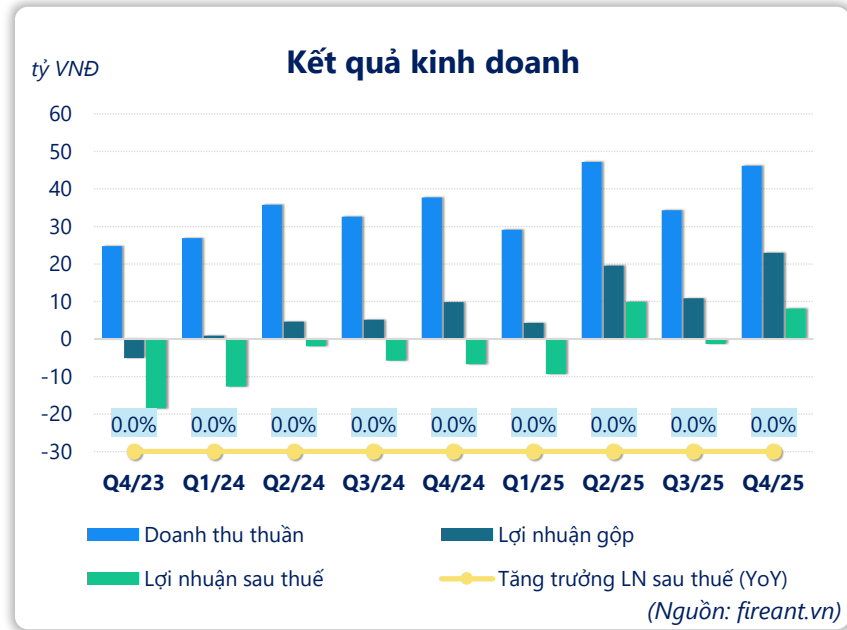


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,000
SL cổ phiếu LH		70,368,754
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,310
% sở hữu nước ngoài		27.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		858
P/E		117.0
EPS		104

	YTD	1T	3T	6T
RIC	248.6%	7.0%	50.6%	171.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	927	923	0.4%
Tài sản ngắn hạn	57.5	52.8	9.0%
Tiền và tương đương tiền	41.7	36.9	13.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	13.5	11.9	13.8%
Hàng tồn kho	2.19	3.28	-33.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.73	-88.9%
Tài sản dài hạn	869	870	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	799	802	-0.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.0	49.4	3.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.5	10.6	8.3%
Tài sản dài hạn khác	7.99	8.62	-7.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	343	365	-6.0%
Nợ ngắn hạn	222	238	-6.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.3	87.4	-43.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.65	3.56	-25.7%
Nợ dài hạn	121	127	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	121	127	-4.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	584	558	4.6%
Vốn chủ sở hữu	584	558	4.6%
Vốn điều lệ	704	704	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	37.7	29.1	47.2	34.3	46.2
Giá vốn hàng bán	27.9	24.8	27.6	23.4	23.2
Lợi nhuận gộp	9.82	4.30	19.6	10.8	23.0
Doanh thu HĐTC	1.62	0.50	5.14	1.19	1.38
Chi phí TC	8.70	6.34	6.20	5.57	6.47
Chi phí lãi vay	6.10	6.13	5.76	5.37	5.34
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.30	2.88	3.19	3.12	3.70
Chi phí QLDN	5.77	4.84	5.33	4.87	6.33
LN thuần từ HĐKD	-6.34	-9.26	10.0	-1.52	7.85
Lợi nhuận khác	-0.36	-0.09	-0.10	0.19	0.26
LN trước thuế	-6.70	-9.35	9.91	-1.33	8.10
Lợi nhuận sau thuế	-6.70	-9.35	9.91	-1.33	8.10
LNST của CĐ cty mẹ	-6.70	-9.35	9.91	-1.33	8.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.39	5.67	24.4	-5.97	28.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.54	-0.44	0.31	-2.13	-0.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.7	-14.4	-20.5	5.11	-16.7
Tiền đầu kỳ	24.5	36.9	27.9	32.2	30.3
Lưu chuyển tiền thuần	11.8	-9.18	4.26	-2.99	11.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.64	0.21	0.05	1.04	-0.39
Tiền cuối kỳ	36.9	27.9	32.2	30.3	41.7

(Nguồn: fireant.vn)